

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN VIỆT YÊN**

Số: 126 /TTr-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Việt Yên, ngày 15 tháng 10 năm 2015

**TỜ TRÌNH**

Về việc **thẩm định nguồn vốn hỗ trợ và phân bổ ngân sách đầu tư**  
**Dự án: Đầu tư xây dựng đường Nénh - Bồ Đà - Vân Hà (đoạn đường làn 2 đi xóm 5**  
**thôn Yên Viên xã Vân Hà) huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang**  
(Hỗ trợ theo Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND tỉnh Bắc Giang)

Kính gửi: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Công văn số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 về việc hướng dẫn phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-BXD ngày 26/3/2009 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Thông tư số 10/2013/TT-BXD ngày 25/7/2013 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 475/2013/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc ban hành quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; Quyết định số 160/2014/QĐ-UBND ngày 27/3/2014 sửa đổi một số điều của quy định một số nội dung về quản lý đầu tư và xây dựng đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 475/2013/QĐ-UBND ngày 13/9/2013 của UBND tỉnh;

Căn cứ Công văn số 62/UBND-XD ngày 04/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc tạm thời thực hiện một số nội dung liên quan đến Đầu tư công trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

UBND huyện Việt Yên đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn và phân bổ ngân sách tỉnh hỗ trợ có mục tiêu đối với dự án: đầu tư xây dựng đường Nénh - Bồ Đà - Vân Hà (đoạn đường làn 2 đi xóm 5 thôn Yên Viên xã Vân Hà) huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang, với những nội dung chủ yếu sau:

**1. Tên dự án:** Đầu tư xây dựng đường Nénh - Bỏ Đà - Vân Hà (đoạn đường làn 2 từ làng nghề đi xóm 5 thôn Yên Viên xã Vân Hà) huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**2. Chủ đầu tư:** UBND huyện Việt Yên.

**3. Cơ quan quản lý, sử dụng, khai thác công trình sau khi đầu tư:** UBND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**4. Địa điểm đầu tư:** Toàn bộ tuyến dự kiến đầu tư nằm trên địa bàn xã Vân Hà, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

**5. Sự cần thiết phải đầu tư:** Xã Vân Hà nằm phía Tây Nam huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Đây là một xã nổi tiếng với làng nghề gốm Thổ Hà, Rượu Vân và di sản dân ca quan họ Bắc Giang trong không gian quan họ bờ bắc Sông Cầu. Do đây là một làng cổ đã có từ rất lâu đời, do vậy hệ thống đường trục, hệ thống thoát nước nhỏ hẹp không đáp ứng kịp nhu cầu phát triển của xã, gây ảnh hưởng đến môi trường, kiến trúc cảnh quan làng nghề. Mặt khác quy đã ở của xã đã cạn kiệt, mật độ dân số đông dẫn đến đời sống sinh hoạt của nhân dân trong xã rất khó khăn.

**6. Mục tiêu đầu tư:**

- Từng bước xây dựng cơ sở hạ tầng xã Vân Hà theo quy hoạch nông thôn mới đã được UBND huyện Việt Yên phê duyệt.

- Giữ gìn và bảo tồn những nét đẹp truyền thống của một làng cổ với nhiều các công trình kiến trúc độc đáo.

- Tạo quỹ đất cho các công trình công cộng, phát triển quỹ đất ở mới, nâng cao chất lượng cuộc sống, từng bước khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, thúc đẩy kinh tế địa phương phát triển.

- Đáp ứng sự mong mỏi của chính quyền và nhân dân xã Vân Hà.

**7. Quy mô đầu tư:**

Theo tiêu chuẩn TCXDVN 104:2007 "Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế" đạt tiêu chuẩn đường phố nội bộ, với quy mô dự kiến như sau:

- Tổng chiều dài tuyến khoảng  $\approx 1,8\text{km}$ .

- Quy mô mặt cắt ngang: Chiều rộng nền đường:  $B_n = 14,0\text{m}$ ; Chiều rộng mặt đường:  $B_m = 2 \times 3,5\text{m} = 7,0\text{m}$ ; Chiều rộng hè đường:  $B_h = 2 \times 3,5\text{m} = 7,0\text{m}$ ; Độ dốc ngang mặt đường:  $I_m = 2\%$ ; Độ dốc ngang hè đường:  $I_h = 4\%$ .

- Nền đường: Đào xử lý đất yếu trước khi đắp đất nền đường; Vật liệu đắp nền là đắp bằng đất tương đương đất cấp III; Phần đắp đất 30cm sát đáy áo đường đạt độ chặt  $K \geq 0,98$ , phần còn lại đạt độ chặt  $K \geq 0,95$ ; Độ dốc mái taluy nền đắp 1/1,5, taluy nền đào 1/1.

- Kết cấu mặt đường dự kiến: Mặt đường BTXM mác 300, đá 2x4 dày 25cm; làm lớp phân cách bằng giấy dầu; Lớp móng cấp phối đá dăm loại I, dày 20cm

- Hệ thống thoát nước ngang: Căn cứ vào tình hình thực tế sẽ thiết kế hệ thống công thoát nước ngang đường phù hợp.

*Ghi chú:* Giai đoạn này đầu tư hoàn chỉnh nền, cấp phối mặt đường và hệ thống thoát nước ngang, chưa tiến hành đầu tư hệ thống bó vỉa, vỉa hè, cây xanh, hệ thống thoát nước dọc, hệ thống điện chiếu sáng.

**8. Hình thức đầu tư:** xây dựng mới.

**9. Tổng mức đầu tư (dự kiến):**

Dự kiến tổng mức đầu tư: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng)

- Trong đó:

+ Chi phí xây dựng	18.540.000.000 đ
+ Chi phí quản lý dự án	317.540.000 đ
+ Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.061.096.000 đ
+ Chi phí hỗ trợ GPMB	6.750.000.000 đ
+ Chi phí khác	554.043.000 đ
+ Chi phí dự phòng	2.777.321.000 đ

**10. Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách huyện và ngân sách tỉnh hỗ trợ theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 10/12/2010 của HĐND tỉnh Bắc Giang.

**11. Phân kỳ thời gian thực hiện, thời gian phân bổ vốn đầu tư hàng năm:**

- Thời gian thực hiện đầu tư: 2015-2018

+ Năm 2015: Thực hiện chuẩn bị đầu tư

+ Năm 2016: Thực hiện công tác bồi thường GPMB; thi công xây dựng.

+ Năm 2017-2018: Thực hiện đầu tư xây dựng.

+ Năm 2018-2020: Thực hiện thanh quyết toán.

- Thời gian phân bổ vốn:

STT	Năm	Phân bổ kinh phí		
		Ngân sách tỉnh hỗ trợ (tr.đ)	Ngân sách huyện (tr.đ)	Tổng (tr.đ)
1	2016		11.000	11.000
2	2017	1.800	3.000	4.800
3	2018	2.500	1.800	4.300
4	2019	1.700		1.700
5	2020	8.200		8.200
<b>Tổng</b>		<b>14.200</b>	<b>15.800</b>	<b>30.000</b>

12. **Nội dung công tác chuẩn bị đầu tư:** Bao gồm công tác khảo sát, lập dự án đầu tư, lập thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình.

13. **Thời gian thực hiện chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án:** Năm 2015.

14. **Hình thức quản lý công trình:** Giao cho Ban QLDA xây dựng huyện triển khai thực hiện.

Vậy, UBND huyện Việt Yên đề nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nguồn vốn hỗ trợ và phân bổ ngân sách đầu tư để huyện có cơ sở thực hiện các bước tiếp theo./.

*(Kèm theo Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, khái toán kinh phí thực hiện, bản vẽ tổng mặt bằng tuyến)*

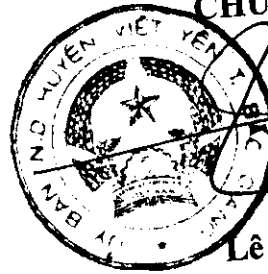
*Nơi nhận:*

- Sở KH và Đầu tư (05 bản);
- Ban QLDA huyện (03 bản);
- Phòng: TC-KH (03 bản);
- Lưu: VT.

**Bản điện tử:**

- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- LĐVP, CVTH;
- Phòng: TC-KH; KT&HT; TN-MT;
- UBND xã Văn Hà.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

# BẢNG TÍNH TỔNG DỰ TOÁN

DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG: ĐƯỜNG NGUYỄN VĂN HỮU (LÀN ĐƯỜNG 2 THÔN YÊN VIÊN)  
 ĐỊA ĐIỂM: HUYỆN XÃM XƠN - TỈNH BẮC GIANG



STT	Nội dung chi phí	Công thức tính	Giá trị trước thuế (VNĐ)	Thuế GTGT (10%)	Giá trị sau thuế (VNĐ)	Ghi chú
I	Chi phí xây dựng					
II	Chi phí Quản lý dự án	15 tỷ/km*1,8km	16,854,545,455	1,685,454,545	18,540,000,000	G
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	G*1,884%	317,539,636	-	317,539,636	QLDA
IV	Giai đoạn lập Dự án		964,632,727	96,463,273	1,061,096,000	TV
1	Chi phí khảo sát					
3	Chi phí lập Dự án đầu tư	Dự toán	150,000,000	15,000,000	165,000,000	Bảng tính CP Khảo sát
B	Giai đoạn lập thiết kế BVTC - TDT	G x 0,417%	70,283,455	7,028,345	77,311,800	QD 957/QD-BXD
1	Chi phí khảo sát bước TKBVTC					
2	Chi phí lập thiết kế BVTC - TDT	Dự toán	100,000,000	10,000,000	110,000,000	Bảng tính CP Khảo sát
3	Chi phí thẩm tra dự toán	G x 1,247%	210,176,182	21,017,618	231,193,800	QD 957/QD-BXD
4	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	G x 0,104%	17,528,727	1,752,873	19,281,600	TT 75/2014/TT-BTC
5	Chi phí lập HSMT và phân tích đánh giá HSD	G x 0,108%	18,202,909	1,820,291	20,023,200	TT 75/2014/TT-BTC
6	Chi phí giám sát thi công	G x 0,2%	33,709,091	3,370,909	37,080,000	ND 63/2014/ND-CP
7	Chi phí thẩm định HSMT	G x 2,064%	347,877,818	34,787,782	382,665,600	QD 957/QD-BXD
8	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	G x 0,05%	8,427,273	842,727	9,270,000	ND 63/2014/ND-CP
V	Chi phí hỗ trợ GPMB	G x 0,05%	8,427,273	842,727	9,270,000	ND 63/2014/ND-CP
VI	Chi phí khác		6,750,000,000		6,750,000,000	GPMB
1	Lệ phí thẩm định Dự án	G x 0,017%	509,448,611	44,594,068	554,042,679	GPMB
			3,854,305	385,431		

					Tạm tính
2	Chi phí rà phá bom mìn	50 triệu/ha x 4,5ha	225,000,000	22,500,000	247,500,000
3	Chi phí bảo hiểm công trình	G x 0,5%	84,272,727	8,427,273	92,700,000
4	Chi phí kiểm toán	(I+II+III+IV)*0,346%	62,753,044	6,275,304	69,028,348
5	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	(I+II+III+IV)*0,215%*50%	19,496,972	1,949,697	21,446,669
6	Chi phí giám sát đánh giá hiệu quả đầu tư	Q <sub>lđ</sub> *20%	63,507,927	5,056,364	68,564,291
7	Chi phí bảo trì công trình	G * 0,3%	50,563,636	2,539,616,643	2,793,578,307
<b>VII</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>	<b>(I+II+III+V) x 10%</b>	<b>2,539,616,643</b>	<b>253,961,664</b>	<b>2,793,578,307</b>
	- Dự phòng khối lượng phát sinh	(I+II+III+V) x 10%	2,539,616,643	253,961,664	2,793,578,307
	- Dự phòng do yếu tố trượt giá	(I) x 5%	-	-	-
<b>VIII</b>	<b>Tổng mức đầu tư</b>	<b>(I+II+III+IV+V+VII)</b>	<b>27,935,783,072</b>	<b>2,080,473,551</b>	<b>30,016,256,623</b>
	<b>Làm tròn</b>				<b>30,016,257,000</b>
					<b>CPDP</b>
					<b>TDT</b>

Ba mươi tỷ, không trăm mười sáu triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng./.